**TÒA ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN LV**
**TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 35/2021/QĐST-HNGĐ

*Lấp Vò, ngày 08 tháng 3 năm 2021*

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 48/2021/TLST- HNGĐ, ngày 25 tháng 02 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1994; địa chỉ: Số 460, ấp K, xã T, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh năm 1988; địa chỉ: Số 460, ấp A, xã T, huyện LV, tỉnh Đồng Tháp.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2021.

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26 tháng 02 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đức T.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đức T tự nguyện thuận tình ly hôn.

2.2. Về nuôi con chung:

Giao con chung tên Lê Nguyễn An N, sinh ngày 04/5/2019 cho chị Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Lê Nguyễn An N hiện đang do chị T nuôi dưỡng).

Chị Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu anh Lê Đức T có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Lê Nguyễn An N.

Chị Nguyễn Thị Cẩm T và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Lê Đức T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về chia tài sản: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đức T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Lê Đức T thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Cẩm T tự nguyện nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn; nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số BI/2019/ 0013925, ngày 25/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện LV. Chị T được nhận lại tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

2.6. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- VKSND Huyện;
- Chi cục THADS Huyện;
- UBND xã T;
(GCNKH số 73 ngày ĐK 14/8/2018)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

(Đã ký)

**Trần Văn Kiến**